

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước đối với 02 mỏ khoáng sản đá vôi làm vôi để thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2026 (đợt 1)

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11/12/2025;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản; Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản; Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 151/2025/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 13/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2026 (đợt 1).

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 448/TTr-SNNMT ngày 04/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước đối với 02 mỏ khoáng sản đá vôi làm vôi để thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên

địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2026 (đợt 1) theo Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 13/4/2026, như sau:

Loại khoáng sản	Tên mỏ, vị trí khu vực	Diện tích (ha)	Giá khởi điểm (G_{kd})	Bước giá (B_g)	Tiền đặt trước (đồng)
Đá vôi làm vôi	T34 núi Mỏ Bo, xã Thanh Lâm, tỉnh Ninh Bình	9,63	1%	0,1%	2.049.300.000
Đá vôi làm vôi	Thung Canh Nội 1, phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình	32,45	1%	0,1%	7.039.937.000

(Có Phương án xác định giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân phường Lý Thường Kiệt, Ủy ban nhân dân xã Thanh Lâm tổ chức triển khai thực hiện công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Tư pháp, Xây dựng, Công Thương, Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Lý Thường Kiệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thanh Lâm và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP3.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Chức

PHƯƠNG ÁN**Xác định giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước đối với 02 mỏ khoáng sản
đá vôi làm vôi để thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản
trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2026 (đợt 1)**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11/12/2025;

- Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024;

- Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản;

- Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 26/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1543/QĐ-UBND ngày 22/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đính chính một số nội dung tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 26/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Tiêu chuẩn Quốc gia số TCVN 4447 : 2012;

- Quyết định số 151/2025/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

- Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 13/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác

khoáng sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2026 (đợt 1).

II. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ KHỞI ĐIỂM, BƯỚC GIÁ VÀ TIỀN ĐẶT TRƯỚC

1. Mỏ đá vôi làm vôi T34 núi Mỏ Bo, xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam nay là xã Thanh Lâm, tỉnh Ninh Bình (diện tích: 9,63 ha)

1.1. Giá khởi điểm (G_{kd}):

Tại khoản 1 Điều 102 Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 quy định: “*Giá khởi điểm trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản được xác định bằng tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của khoáng sản cùng loại ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản*”.

Mặt khác, theo quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15/12/2023 và Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26/12/2023, loại khoáng sản tại khu vực mỏ T34 núi Mỏ Bo, xã Thanh Lâm, tỉnh Ninh Bình là đá vôi làm vôi nên tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R) đối với đá vôi làm vôi là 1% (theo quy định tại Phụ lục III Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ).

Như vậy, giá khởi điểm để đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá vôi làm vôi T34 núi Mỏ Bo, xã Thanh Lâm, tỉnh Ninh Bình là: $G_{kd} = R = 1\%$.

1.2. Bước giá (B_g):

Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 của Quốc hội: “*Bước giá là mức chênh lệch giữa hai lần trả giá đầu tiên so với giá khởi điểm hoặc giữa lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề*”.

Tại khoản 2 Điều 102 Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 quy định: “*Bước giá được xác định tối thiểu là 1% và tối đa là 10% giá khởi điểm*”.

Như vậy, để việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản thu được nhiều ngân sách cho Nhà nước, thống nhất bước giá trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại mỏ đá vôi làm vôi T34 núi Mỏ Bo, xã Thanh Lâm, tỉnh Ninh Bình bằng 10% giá khởi điểm, $B_g = 10\%R = 10\% * 1\% = 0,1\%$, tức là bước giá bằng 0,1%.

1.3. Tiền đặt trước (T_{at}):

Mỏ đá vôi T34 núi Mỏ Bo, xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam nay là xã Thanh Lâm, tỉnh Ninh Bình, có diện tích khu vực mỏ: 9,63 ha nằm trong quy hoạch thăm dò, khai thác chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15/12/2023; Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 26/02/2026 và Quyết định số 1543/QĐ-UBND ngày 22/4/2026; nằm ngoài Quy hoạch lâm

nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ; không thuộc khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản được phê duyệt tại Quyết định số 1388/QĐ-TTg ngày 27/06/2025 của Thủ tướng Chính phủ; không chồng lấn với các dự án khác. Chưa được cấp phép thăm dò, phê duyệt trữ lượng mỏ.

- Loại khoáng sản theo quy hoạch: Đá vôi làm vôi.

- Trữ lượng theo quy hoạch là trữ lượng tài nguyên cấp 334a (dự báo) là: 13.800.000 tấn.

Như vậy, theo khoản 1 Điều 145 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ, tiền đặt trước trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản được xác định như sau:

$$T_{\text{dt}} = Q \times G \times R \times H$$

Các thông số xác định cụ thể như sau:

Q - Trữ lượng tài nguyên dự tính (đơn vị tính là tấn) = 13.800.000 tấn.

G - Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản đá vôi làm vôi: $G = G_{\text{tn}} \times K_{\text{qd}}$ (theo khoản 1 Điều 134 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a, khoản 50 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026). Trong đó:

- $G_{\text{tn}} = 90.000$ đồng/m³ là giá tính thuế tài nguyên áp dụng đối với đá vôi sản xuất vôi công nghiệp (khoáng sản khai thác) theo Quyết định số 151/2025/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

- $K_{\text{qd}} = H_n : D$ (theo quy định tại điểm b, mục III.1 Phụ lục III Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025). Trong đó: $H_n = 1,475$ là hệ số trung bình chuyên thể tích từ đất tự nhiên sang đất tối đối với đá vôi theo TCVN 4447 : 2012; $D = 2,68$ là thể trọng tự nhiên được tạm lấy trong bảng 4.4 chương IV Báo cáo kết quả thăm dò đá vôi làm nguyên liệu sản xuất vôi công nghiệp tại khu vực mỏ đá T34, xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam nay là xã Thanh Lâm, tỉnh Ninh Bình của Công ty TNHH 26868 – mỏ giáp ranh với mỏ đá vôi T34 núi Mỏ Bo, xã Thanh Lâm, tỉnh Ninh Bình là mỏ chưa thăm dò, phê duyệt trữ lượng mỏ.

Do vậy, hệ số quy đổi K_{qd} được xác định như sau:

$$K_{\text{qd}} = H_n : D = 1,475 : 2,68$$

R - Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đá vôi làm vôi $R = 1\%$ (theo quy định tại Phụ lục III Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ).

H - Tỷ lệ xác định tiền đặt trước đối với khoáng sản đá vôi làm vôi (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 145 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ tối thiểu là 10% và tối đa là 30% tổng giá trị tiền cấp quyền khai thác khoáng sản dự tính của khu vực khoáng sản, trừ trường hợp quy

định tại điểm b khoản này). Để đảm bảo việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản thành công, lựa chọn tỷ lệ xác định tiền đặt trước là 30% tổng giá trị tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Như vậy, tiền đặt trước trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại mỏ đá vôi T34 núi Mỏ Bo, xã Thanh Lâm, tỉnh Ninh Bình là:

$T_{dt} = Q \times G \times R \times H = 13.800.000 \text{ tấn} \times (90.000 \text{ đồng/m}^3 \times (1,475:2,68)) \times 1\% \times 30\% = 2.049.300.000 \text{ đồng}$ (Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm bốn mươi chín triệu, ba trăm nghìn đồng).

2. Mỏ đá vôi làm vôi Thung Canh Nội 1, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam nay là phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình (diện tích: 32,45 ha)

2.1. Giá khởi điểm (G_{kd}):

Tại khoản 1 Điều 102 Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 quy định: “Giá khởi điểm trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản được xác định bằng tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của khoáng sản cùng loại ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản”.

Mặt khác, theo quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15/12/2023 và Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26/12/2023, loại khoáng sản tại khu vực mỏ Thung Canh Nội 1, phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình là đá vôi làm vôi nên tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R) đối với đá vôi làm vôi là 1% (theo quy định tại Phụ lục III Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ).

Như vậy, giá khởi điểm để đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá vôi làm vôi Thung Canh Nội 1, phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình là: $G_{kd} = R = 1\%$.

2.2. Bước giá (B_g):

Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 của Quốc hội: “Bước giá là mức chênh lệch giữa hai lần trả giá đầu tiên so với giá khởi điểm hoặc giữa lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề”.

Tại khoản 2 Điều 102 Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 quy định: “Bước giá được xác định tối thiểu là 1% và tối đa là 10% giá khởi điểm”.

Như vậy, để việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản thu được nhiều ngân sách cho Nhà nước, thống nhất bước giá trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại mỏ đá vôi làm vôi Thung Canh Nội 1, phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình bằng 10% giá khởi điểm, $B_g = 10\%R = 10\% \times 1\% = 0,1\%$, tức là bước giá bằng 0,1%.

2.3. Tiền đặt trước (T_{dt}):

Mỏ đá vôi Thung Canh Nội 1, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng nay là phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình, có diện tích khu vực mỏ: 32,45 ha nằm trong quy hoạch thăm dò, khai thác chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15/12/2023; Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 26/02/2026 và Quyết định số 1543/QĐ-UBND ngày 22/4/2026; nằm ngoài Quy hoạch lâm nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ; không thuộc khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản được phê duyệt tại Quyết định số 1388/QĐ-TTg ngày 27/06/2025 của Thủ tướng Chính phủ; không chồng lấn với các dự án khác. Chưa được cấp phép thăm dò, phê duyệt trữ lượng mỏ.

- Loại khoáng sản theo quy hoạch: Đá vôi làm vôi.

- Trữ lượng theo quy hoạch là trữ lượng tài nguyên cấp 334a (dự báo): 47.580.000 tấn.

Như vậy, theo khoản 1 Điều 145 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ, tiền đặt trước trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản được xác định như sau:

$$T_{at} = Q \times G \times R \times H$$

Các thông số xác định cụ thể như sau:

Q - Trữ lượng tài nguyên dự tính (đơn vị tính là tấn) = 47.580.000 tấn.

G - Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản đá vôi làm vôi: $G = G_{tn} \times K_{qd}$ (theo khoản 1 Điều 134 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a, khoản 50 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026). Trong đó:

- $G_{tn} = 90.000$ đồng/m³ là giá tính thuế tài nguyên áp dụng đối với đá vôi sản xuất vôi công nghiệp (khoáng sản khai thác) theo Quyết định số 151/2025/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

- $K_{qd} = H_n : D$ (theo quy định tại điểm b, mục III.1 Phụ lục III Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025). Trong đó: $H_n = 1,475$ là hệ số trung bình chuyên thể tích từ đất tự nhiên sang đất toi đối với đá vôi theo TCVN 4447 : 2012; $D = 2,69$ là thể trọng tự nhiên được tạm lấy trong bảng IV.7 chương IV Báo cáo kết quả thăm dò bổ sung đá vôi làm vôi tại mỏ núi Thung Canh Nội, phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình của Công ty TNHH Đầu tư khoáng sản Thanh Sơn – mỏ giáp ranh với mỏ đá vôi Thung Canh Nội 1, phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình là mỏ chưa thăm dò, phê duyệt trữ lượng mỏ.

Do vậy, hệ số quy đổi K_{qd} được xác định như sau:

$$K_{qd} = H_n : D = 1,475 : 2,69$$

R - Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đá vôi làm vôi R = 1% (theo quy định tại Phụ lục III Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ).

H - Tỷ lệ xác định tiền đặt trước đối với khoáng sản đá vôi làm vôi (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 145 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ tối thiểu là 10% và tối đa là 30% tổng giá trị tiền cấp quyền khai thác khoáng sản dự tính của khu vực khoáng sản, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này). Để đảm bảo việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản thành công, lựa chọn tỷ lệ xác định tiền đặt trước là 30% tổng giá trị tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Như vậy, tiền đặt trước trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại mỏ đá vôi Thung Canh Nội 1, phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình là:

$T_{dt} = Q \times G \times R \times H = 47.580.000 \text{ tấn} \times (90.000 \text{ đồng/m}^3 \times (1,475:2,69)) \times 1\% \times 30\% = 7.039.937.000 \text{ đồng}$ (Bằng chữ: Bảy tỷ, không trăm ba mươi chín triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

III. TỔNG HỢP KẾT QUẢ

Kết quả tính toán giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước đối với 02 mỏ khoáng sản đá vôi làm vôi để thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2026 (đợt 1), gồm: mỏ đá vôi T34 núi Mỏ Bo, xã Thanh Lâm, tỉnh Ninh Bình và mỏ đá vôi Thung Canh Nội 1, phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình, tổng hợp như sau:

Loại khoáng sản	Tên mỏ, vị trí khu vực	Diện tích (ha)	Giá khởi điểm (G_{kd})	Bước giá (B_g)	Tiền đặt trước (đồng)
Đá vôi làm vôi	T34 núi Mỏ Bo, xã Thanh Lâm, tỉnh Ninh Bình	9,63	1%	0,1%	2.049.300.000
Đá vôi làm vôi	Thung Canh Nội 1, phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình	32,45	1%	0,1%	7.039.937.000

Trên đây là Phương án xác định giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước đối với 02 mỏ khoáng sản đá vôi làm vôi để thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2026 (đợt 1)/.